

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2022
V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi
con chung*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN - TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đoàn Thị Nhâm.

2. Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Đức Biên – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 108/2022/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Hoàng Thị M**, sinh năm 1984. Trú tại: Tổ 6, phường S, thành phố B, tỉnh B1. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh **Phạm Trần T**, sinh năm 1977. Trú tại: Tổ 6, phường S, thành phố B, tỉnh B1. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Trần T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố B, tỉnh B1 vào ngày 08/8/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn, đến giữa năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không cùng trí hướng. Mâu thuẫn đã được vợ chồng nhiều lần tìm cách cùng giải quyết, bố mẹ hai bên cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng không giải quyết được và ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2013 cho đến

nay, không còn quan tâm hay có trách nhiệm đến cuộc sống của nhau, chị đã chuyển về nhà bố để sống. Trong thời gian sống ly thân tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Trần T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh T có 01 con chung là **Phạm Ngọc M, sinh ngày 10/8/2009**, hiện nay con khỏe mạnh phát triển bình thường. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay con chung sống cùng chị. Khi ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con cho chị trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi và chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn anh Phạm Trần Tùng trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố B, tỉnh B1 vào ngày 08/8/2008. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau từ năm 2013 đến nay. Nay chị M khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh nhất trí vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị M có một con chung là **Phạm Ngọc M, sinh ngày 10/8/2009**. Hiện nay con khỏe mạnh, phát triển bình thường. Từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung sống cùng chị M. Nay vợ chồng ly hôn, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho chị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Anh và chị M không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành xác minh với bố đẻ của anh T là ông Phạm Trần S, bố đẻ chị M là ông Hoàng Bá B, con của anh T, chị M và chính quyền địa phương để làm rõ tình trạng hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng. Kết quả xác minh cho thấy giữa chị M và anh T có mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay.

** Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn phát biểu:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị M có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung với anh Phạm Trần T, trú tại: Tổ 6, phường S, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hoàng Thị M và Phạm Trần T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn ngày 08/8/2008 tại UBND phường Sông C, thành phố B, tỉnh B1 nên hôn nhân là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của các đương sự và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập, có đủ cơ sở xác định: Quá trình chung sống vợ chồng anh T, chị M hạnh phúc, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm và có trách nhiệm với nhau từ năm 2013 đến nay.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị M, anh T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

* *Về con chung*: Chị M và anh T có 01 con chung là Phạm Ngọc M, sinh ngày 10/8/2009, hiện nay khoẻ mạnh phát triển bình thường và đang sống cùng mẹ. Khi ly hôn, chị M và anh T đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao con cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Xét thấy, chị M có đủ điều kiện nuôi con. Hiện nay, cháu M đang sống cùng mẹ và có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Để con được chăm sóc, phát triển một cách tốt nhất mà không làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt và

học tập ổn định hiện tại của con. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị Mơ và anh T về việc nuôi con, giao con chung Phạm Ngọc M sinh ngày 10/8/2009 cho chị Hoàng Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

** Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

** Về tài sản chung và vay nợ chung:* Chị M và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Hoàng Thị Mơ.

Chị Hoàng Thị M được ly hôn với anh Phạm Trần T.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Ngọc M, sinh ngày 10/8/2009 cho chị Hoàng Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh Phạm Trần T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Hoàng Thị M và anh Phạm Trần T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại phiếu thu số 0002125 ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận nguyên đơn đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- UBND phường S, tp B, tỉnh B1 (nơi ĐKKH);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Dương